

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2023

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Quang Toán.

2. Ông: Châu Văn Khỏe

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2023, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 15a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023.

1. **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Đ, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Bàn Văn T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền ông: La Văn Đ1 - Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã. Vắng mặt (có đơn xin từ chối tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Đặng Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm chị và anh Bàn Văn T được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N, huyện N vào ngày 18/01/2007. Kể từ khi cưới hỏi anh, chị cư trú tại thôn N, xã N, vợ chồng chị sống hạnh phúc sau khi sinh con đầu lòng được hơn 09 tháng tuổi thì anh T thường xuyên uống rượu say đánh chửi chị vì con cái tôi đã cố gắng nhẫn nhục chịu đựng, sự việc anh T đánh chị đã được thôn hòa giải nhiều lần và yêu cầu anh T viết cam kết không đánh chị nữa; Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N đã mời anh T đến làm việc về hành vi bạo lực gia đình nhưng anh T vẫn không hề thay đổi, thời gian cụ thể chị không nhớ, do việc ngược đãi bạo hành của anh T quá sức chịu đựng của chị trong 16 năm, anh, chị đã sống ly thân từ giữa tháng 4/2023 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh, chị có 02 con tên các cháu là Bàn Hữu H, sinh ngày: 13/7/2008, Bàn Hữu T1, sinh ngày: 18/5/2011, do bố mẹ thường xuyên mâu thuẫn nên cháu H đã bỏ học và đi làm thuê từ sau Tết (âm lịch) cho đến nay ở Thành phố Hồ Chí Minh; còn cháu T1 đang ở cùng anh T, cháu đang học lớp 6, Trường THCS xã N. Khi ly hôn chị nhường quyền nuôi dưỡng cháu T1 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng chị sẽ cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000đ/tháng/cháu, thời gian tính cấp dưỡng kể từ khi ly hôn, do nghề nghiệp của chị chỉ là làm ruộng thu nhập không ổn định nên chị chỉ cấp dưỡng với mức tiền nêu trên. Còn cháu H thực tế hiện nay cháu đã đi làm có thu nhập để tự nuôi bản thân mình nên chị sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định không có.

Tại bản tự khai bị đơn anh Bàn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời trình bày của chị Đ về việc tổ chức cưới hỏi và thời gian đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân do anh uống rượu về nhà chị Đ nói dẫn đến cãi chửi nhau, chị Đ đã bỏ nhà đi từ ngày 01/3/2023 (âm lịch) anh đã đi tìm 03 lần nhưng chị Đ đã không về nhà, việc chị Đ làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì con còn nhỏ, bố đẻ anh đã lớn tuổi.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên các cháu là Bàn Hữu H, sinh ngày: 13/7/2008 hiện cháu H đã đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, con thứ hai là Bàn Hữu T1, sinh ngày: 18/5/2011 hiện cháu đang ở với anh, nếu vợ chồng anh phải ly hôn nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con với mức 800.000đ/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Do chị Đ làm đơn xin ly hôn nên anh không nhất trí chia tài sản chung.

Về vay nợ chung: Anh xác định không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn do UBND xã N quản lý thấy rằng việc đăng ký kết hôn cho anh Bàn Văn T2 và chị Đặng Thị Đ là không đúng quy định của pháp luật vì anh Đ lúc đó chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án hủy việc đăng ký kết hôn giữa anh T2 và chị Đ và đưa UBND xã Năng Khả vào tham gia tố tụng.

Tiến hành lấy lời khai của cháu Bàn Hữu T1 được biết: Hàng ngày cháu thấy bố, mẹ cháu thường hay cãi chửi nhau có lúc bố cháu uống rượu say về đánh mẹ cháu, mẹ cháu đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2023 cho đến nay, nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu xin được ở với bố.

Tiến hành lấy lời khai của ông Bàn Thừa Q (là bố đẻ anh T2) được biết anh T2 và chị Đ sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 và chị Đ thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, gia đình hai bên đã khuyên bảo anh, chị nhiều lần nhưng không đạt kết quả gì. Ngoài ra ông xác định cháu Bàn Hữu H hiện không có mặt tại nơi cư trú.

Tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Bàn Văn T được biết, nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ mẹ chồng nàng dâu, anh T thường xuyên uống rượu say mỗi lần say rượu về nhà đánh chửi chị Đ, thôn đã tổ chức hòa giải một lần từ năm 2021.

Tòa án đã tiến hành ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành lấy lời khai của cháu H nhưng không có kết quả. Do cháu Bàn Hữu H không có mặt tại nơi cư trú nên không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử (HĐXX) vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 39, 143, 147 của BLTTDS; Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD); Các Điều 8, 10, 11, 12, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật HN&GD 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị HĐXX:

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc đăng ký kết hôn giữa chị Đặng Thị Đ và anh Bàn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Bàn Hữu H, sinh ngày: 13/7/2008 và cháu Bàn Hữu T1, sinh ngày: 18/5/2011 cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị UBND huyện N xem xét trách nhiệm đối với các cá nhân thực hiện việc đăng ký kết hôn trái pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bàn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bàn Văn T, nhưng anh T đã không có mặt để tham gia xét xử, chị Đặng Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, UBND xã N có đơn từ chối tham gia tố tụng, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Đ và anh Bàn Văn T đã được UBND xã N tiến hành việc đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2007, tuy nhiên lúc đó anh T vẫn chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ, anh T không đề nghị Tòa án công nhận anh, chị là vợ chồng kể từ thời điểm đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị Đ có yêu cầu xin ly hôn còn anh T không nhất trí. Do đó HĐXX xét thấy cần hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật và không công nhận chị Đ anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các đương sự xác định có 02 con chung tên các cháu là Bàn Hữu H, sinh ngày: 13/7/2008 và cháu Bàn Hữu T1, sinh ngày: 18/5/2011. Trong quá trình giải quyết chị Đ và anh T đều xác định cháu H đã đi làm xa nhà có công ăn việc làm tự nuôi sống được bản thân, tuy nhiên do cháu H chưa đủ 18 tuổi nên cần giao cháu cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo việc trông nom, chăm sóc. Đối với cháu T1 các đương sự đều trình bày sẽ giao cháu T1 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cũng như ý kiến của cháu T1 có nguyện vọng xin được ở với bố là anh Bàn Văn T. Xét thấy đây là ý chí của các đương sự nên cần chấp nhận yêu cầu này.

[3.1] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Đ trình bày do thu nhập chính là nghề làm ruộng nên thu nhập không ổn định chị chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000đ/tháng đối với cháu Bàn Hữu T1 còn đối với cháu Bàn Hữu H chị sẽ không cấp dưỡng nuôi con vì cháu H đã đi làm có công ăn việc làm ổn định, đủ nuôi sống bản thân.

Anh: Bàn Văn T yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con với mức 800.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

HĐXX xét thấy trong các tài liệu mà Tòa án đã thu thập, xác định hộ anh Bàn Văn T là hộ nghèo của xã N, hộ nghèo năm 2022 trên địa bàn xã N có thu nhập dưới 1.500.000đ/tháng, việc anh T yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng với mức 800.000đ/tháng/cháu là quá cao so với mức thu nhập của chị Đ cũng như mức chi tiêu hàng tháng của gia đình. Do đó HĐXX chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng 500.000đ/tháng/cháu là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Đối với cháu Bàn Hữu H đã đi làm có công ăn việc làm ổn định có thu nhập thực tế đủ nuôi sống bản thân nên không buộc chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Đ phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật của UBND xã N là trách nhiệm của một số cá nhân thực hiện, do đó cần kiến nghị UBND huyện N xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân thực hiện việc đăng ký kết hôn trái pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS. Các Điều 8, 11, 12, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật HN&GD. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Đ.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Đặng Thị Đ và anh Bàn Văn T; không công nhận chị Đ, anh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Bàn Hữu H, sinh ngày: 13/7/2008 và cháu Bàn Hữu T1, sinh ngày: 18/5/2011 cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức 500.000đ/tháng (năm trăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian tính cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bàn Hữu H.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số: AA/2021/0005081, ngày 22/5/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Kiến nghị UBND huyện N, tỉnh Tuyên Quang, xem xét xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân thực hiện việc đăng ký kết hôn trái pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND huyện Na Hang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Giang